

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KỸ NĂNG CHO CON BÚ TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG NĂM 2011

Nguyễn Phương Thảo⁽¹⁾, Lê Thị Bình⁽²⁾

(1) Bệnh viện phụ sản Trung Ương, (2) Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

Tóm tắt

Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 114 bà mẹ sau sinh tại bệnh viện Phụ sản Trung ương từ 9/2011 - 10/2011. Kết quả nghiên cứu cho thấy các bà mẹ cho con bú sớm trong nửa giờ đầu sau sinh vẫn còn thấp (29%). Số lần bú/ngày chủ yếu là từ 8-10 lần/ngày 85,1%. Có 84,2% sản phụ cho bú từ 10-30 phút, trẻ bú tới khi ngủ chiếm 15,8%. Tư thế mẹ và tư thế bế trẻ đúng đạt tỷ lệ khá cao (93,9% và 88,6%). Trẻ bú hiệu quả đạt 53,5%. Kỹ năng cho bú của bà mẹ chịu ảnh hưởng bởi gia đình (50%), nhân viên y tế (21,0%), kinh nghiệm (15,8%) và sách báo (13,2%). Nhóm có kỹ năng cho bú khá, trung bình và kém chịu ảnh hưởng chủ yếu từ gia đình (trên 70%) và theo kinh nghiệm (trên 20%). Riêng nhóm có kỹ năng cho bú ở mức độ tốt có 48,9% chịu ảnh hưởng chủ yếu từ nhân viên y tế và 27,7% từ gia đình. Gia đình và nhân viên y tế có ảnh hưởng nhiều nhất tới hiệu quả cho bú của trẻ $p < 0,05$. Kỹ năng cho con bú càng tốt thì tỷ lệ trẻ bú có hiệu quả càng cao và ngược lại ($p < 0,05$).

Từ khóa: Kỹ năng, cho con bú, bà mẹ, yếu tố ảnh hưởng, bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Abstract

REALITIES AND THE FACTORS AFFECTING THE BREAST-

FED SKILLS IN NATIONAL OBSTETRICS HOSPITAL IN 2011

The Cross-sectional descriptive study was conducted on 114 postpartum mothers at the Central Obstetrics Hospital from 9/2011-10/2011. The results showed that mothers breastfeeding in the first half hour after birth was still low (29%). Number of feedings from 8-10 times per day accounted for 85.1%. 84.2% postpartum mothers did breastfeeding for 10-30 minutes per time. The proportions of accurate posture of mothers and child's holding were high (93.9% and 88.6%). The breastfeeding efficiency was 53.5%. Mother's breastfeeding skills were affected by family (50%), health workers (21.0%), experience (15.8%) and newspapers (13.2%). Quite, medium and low feed skilled groups were impacted mostly from family (70%) and experience (over 20%). Good breastfeeding skill (48.9%) was mainly affected by medical staff and 27.7% by families. Family and medical staff had the most impact on the effectiveness of child feeding $p < 0.05$. The better breastfeeding skills were, the higher percentage of breastfeeding efficiency were and reverse cycle ($p < 0.05$).

Key words: skills, breastfeeding, postpartum mother, affected factor, the National Obstetrics Hospital

Đặt vấn đề

Nuôi con bằng sữa mẹ là cách nuôi trẻ tự nhiên, tiện lợi và kinh tế nhất mà tạo hóa đã ban cho mọi bà mẹ qua bầu sữa [1], [2]. Trong giai đoạn từ lúc mới đẻ tới 6 tháng tuổi, bà mẹ giữ vai trò quan trọng nhất trong việc nuôi trẻ. Do đó kiến thức, kỹ năng nuôi con bằng sữa mẹ của người mẹ có vai trò ảnh hưởng quyết định tới tình trạng dinh dưỡng và gián tiếp tác động tới quá trình phát triển bình thường, toàn diện của trẻ nhỏ sau này [3], [4].

Vấn đề nuôi trẻ trong 6 tháng đầu - cụ thể là thực hành nuôi con bằng sữa mẹ - bao giờ cũng có nhiều khó khăn và vất vả cho các bà mẹ. Trong giai đoạn này, trẻ bú mẹ theo nhu cầu của trẻ và sữa mẹ là nguồn thức ăn cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho sự phát triển của trẻ. Các bà mẹ cần phải cho trẻ bú đúng và đủ trong thời kỳ cho con bú. Việc cho con

bú đúng cách không phải bà mẹ sau khi sinh ai cũng thực hiện đúng bởi nhiều nguyên nhân. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu:

1. Mô tả kỹ năng cho con bú của các bà mẹ sau sinh tại khoa sản 2 - Bệnh viện Phụ sản Trung ương, năm 2011.
2. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng cho con bú của các bà mẹ sau sinh.

Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các bà mẹ sinh con tại khoa sản 2 - Bệnh viện Phụ sản Trung ương từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2011 thỏa mãn điều kiện sau: Đẻ thường, đẻ đủ tháng, cân nặng của trẻ bình thường (> 2500 gram), trẻ có khả năng bú.

Thiết kế nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(p \epsilon)^2}$$

Trong đó: p: tỷ lệ những trẻ được cho bú trong nửa giờ đầu sau sinh 68,6% [5].

Z: hệ số tin cậy, giá trị của tương ứng với $\alpha = 0,05$

ϵ : giá trị tương đối ($\epsilon = 0,13$)

Theo công thức và dự phòng thêm 10% sai số, cỡ mẫu cần cho nghiên cứu là 114 người

Chọn mẫu: Sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện đến khi thu thập đủ số mẫu

Các biến số nghiên cứu:

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu: Tuổi, nghề nghiệp, số lần đẻ, địa dư, trình độ học vấn, tình trạng kinh tế,

Kỹ năng cho con bú: thời gian, thời điểm, số lần cho con bú, tư thế, kỹ năng mẹ cho con bú...

Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng cho con bú:

Gia đình, Nhân viên y tế, Sách báo, Kinh nghiệm...

Xử lý số liệu: Số liệu thu thập được phân tích bằng chương trình STATA. Các biến định tính được mô tả dưới dạng phần trăm. So sánh sự khác biệt về các biến định tính của 2 hay nhiều nhóm bằng test χ^2 , mức ý nghĩa là $p < 0,05$

Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu tuân thủ các yêu cầu trong nghiên cứu y sinh học.

Kết quả

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Kỹ năng cho con bú của các bà mẹ sau sinh

Kỹ năng cho con bú	Số lượng (n=114)	Tỷ lệ %
Lần bú đầu ngay sau khi đẻ		
30 phút	33	29,0
1-6 giờ	75	65,8
> 6 giờ	6	5,2
Thời điểm cho con bú của các bà mẹ		
Sau 2-3 giờ mới cho bú	48	42,1
Khóc thì cho bú	66	57,9
Số lần cho con bú của các bà mẹ		
< 8 lần/ngày	17	14,9
8-10 lần/ngày	97	85,1
Thời gian các bà mẹ cho trẻ bú trong một lần		
10-30 phút/lần bú	96	84,2
Bú đến khi trẻ ngủ	18	15,8
Kỹ năng bế trẻ khi cho bú		
Mẹ bế đầu và mông hoặc toàn cơ thể	101	88,6
Mẹ bế trẻ bằng cách đỡ đầu	13	11,4
Tư thế mẹ khi cho bú		
Tư thế Fowler hoặc ngồi	107	93,9
Tư thế mẹ nằm và cho con bú	7	6,1
Tình trạng trẻ ngậm bắt vú và bú có hiệu quả.		
Trẻ ngậm bắt vú tốt	72	63,2
Trẻ bú có hiệu quả	61	53,5

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu trong độ tuổi 20 - 30 (63,2%), có nghề nghiệp khá phong phú: cán bộ 35%, nội trợ 21,9%, nông dân 19,3%, còn lại các nghề khác chiếm một tỷ lệ nhỏ. Các sản phụ có trình độ học vấn ở cấp ba chiếm chủ yếu (63,2%), đại học - 21,9% và Trung cấp-cao đẳng - 14,9%. Tỷ lệ các sản phụ sống ở thành thị là 57,0% và nông thôn 43%. Các bà mẹ có 1 con chiếm tỷ lệ cao (88,6%).

Kỹ năng cho con bú của các bà mẹ sau sinh

Các bà mẹ cho con bú lần đầu tiên từ 1-6 giờ sau đẻ chiếm tỷ lệ cao nhất (65,8%), cho trẻ bú 30 phút đầu sau sinh chỉ chiếm 29%. Thời điểm cho con bú như khi trẻ khóc mới cho bú là 57,9%, hoặc sau 2-3 giờ cho bú một lần - 42,1%. Số lần cho con bú/ngày từ 8 - >10 lần/ngày chiếm 85,1%. Thời gian cho bú mỗi lần từ 10-30 phút có tỷ lệ cao nhất 84,2%, còn lại số bà mẹ cho trẻ bú tới lúc trẻ ngủ chiếm 15,8%. Tư thế trẻ được bế đầu và mông hoặc toàn thân trẻ chiếm tỷ lệ cao tới 88,6%, tuy nhiên mẹ chỉ đỡ đầu trẻ khi cho bú vẫn còn 11,4%. Về tư thế của mẹ, chiếm tỷ lệ khá cao tới 93,9% mẹ cho bú tư thế nửa nằm nửa ngồi (Fule) hoặc ngồi, mẹ ở tư thế nằm cho con bú chỉ 6,1%. Trẻ ngậm bắt vú tốt chiếm 63,2% và bú có hiệu quả chiếm 53,5%.

Yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng cho con bú

Bảng 2. Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng cho con bú

Các yếu tố ảnh hưởng	Kỹ năng cho con bú				
	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	Tổng
Nhân viên y tế	23(48,9%)	1(3,23%)	0(0%)	0(0%)	24(21%)
Gia đình	8(17%)	22(70,97%)	18(75%)	9(75%)	57(50%)
Sách báo	13(27,7%)	1(3,23%)	1(4,2%)	0%	15(13,2%)
Kinh nghiệm	3(6,4%)	7(22,5%)	5(20,8%)	3(25%)	18 (15,8%)
Tổng	47(41,2%)	31(27,2%)	24(21,1%)	12(10,5%)	114(100%)

Bảng 2 cho thấy yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng cho con bú của các sản phụ chủ yếu là gia đình (50%) và nhân viên y tế (21,0%). Ngoài ra, các sản phụ chịu ảnh hưởng bởi yếu tố sách báo là 13,2%, kinh nghiệm - 15,8%.

Trong số 114 bà mẹ tham gia nghiên cứu, kỹ năng cho con bú đạt loại tốt chiếm 41,2%, loại khá - 27,2%, loại trung bình 21,1% và vẫn còn 10,5% ở mức độ kém. Nhóm có kỹ năng cho bú khá, trung bình và kém chịu ảnh hưởng chủ yếu từ gia đình (trên 70%) và theo kinh nghiệm (trên 20%). Riêng nhóm có kỹ năng cho bú ở mức độ tốt có 48,9% chịu ảnh hưởng chủ yếu từ nhân viên y tế và 27,7% từ gia đình.

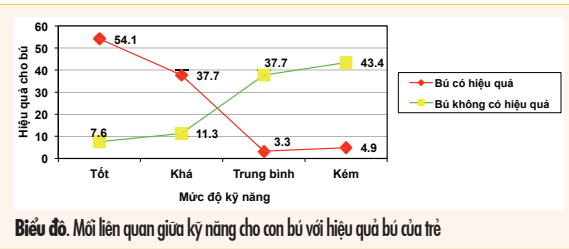
Mối liên quan giữa kỹ năng bà mẹ cho con bú và hiệu quả bú của trẻ.

Nhóm bà mẹ cho trẻ bú có hiệu quả chịu ảnh hưởng của nhân viên y tế và gia đình tới 68,9%. Nhóm bà mẹ cho trẻ bú không có hiệu quả chịu ảnh hưởng

chủ yếu từ gia đình tới 66%. So sánh các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả bú của trẻ ở hai nhóm bà mẹ có sự khác biệt với $p < 0,05$.

Bảng 3. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả bú của trẻ.

Yếu tố ảnh hưởng	Hiệu quả bú của trẻ	Trẻ bú có hiệu quả	Trẻ bú không hiệu quả	p
Nhân viên y tế		20(32,8%)	4(7,6%)	<0,05
Gia đình		22(36,1%)	35(66%)	<0,05
Sách báo		12(19,7%)	3(5,7%)	<0,05
Kinh nghiệm		7(11,4%)	11(20,7%)	<0,05
Tổng (n=114)		61(53,4%)	53(46,6%)	



Qua phân tích bảng 3, tỷ lệ bà mẹ có kỹ năng tốt và trẻ bú có hiệu quả đạt 54,1% và kỹ năng khá: 37,7%, kỹ năng trung bình: 3,3% và kỹ năng kém: 4,9%. Tuy nhiên vẫn còn 18,9% bà mẹ có kỹ năng tốt và khá nhưng trẻ bú vẫn không có hiệu quả.

Bàn luận

Kỹ năng cho con bú của các bà mẹ sau sinh

Theo khuyến cáo của WHO, UNICEF thì các bà mẹ tốt nhất nên cho trẻ bú vào khoảng 30 phút đầu sau sinh để tận dụng được sữa non là loại sữa có thành phần phù hợp với hệ tiêu hóa của trẻ và có nhiều thành phần miễn dịch rất tốt cho trẻ [6]. Vì vậy ta nên tăng cường tư vấn khuyến khích và giáo dục để các bà mẹ hiểu và thực hành cho trẻ bú lần đầu sớm sau sinh tốt.

Kết quả từ bảng 1 cho thấy tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú trong 30 phút đầu sau sinh là chỉ đạt 29%. Tuy nhiên, so sánh với các nghiên cứu trước đây, tình hình cho trẻ bú sớm đã được cải thiện rõ rệt. Nghiên cứu của Nguyễn Đình Quang (1996) trên 425 cặp mẹ và con sinh sống tại nội và ngoại thành Hà Nội: tỷ lệ bú sớm của trẻ trong nửa giờ đầu sau sinh ở nội thành là 30%, tỷ lệ trẻ bú muộn trong 24 giờ là 20,1% [2].

So sánh kết quả của chúng tôi với các kết quả gần đây như: Nguyễn Thị Hồng Diễm (2000), hay Trương Thị Hoàng Lan thì thấy tỷ lệ các bà mẹ cho con bú ngay sau sinh 30 phút là 28,7% [3], [7]. Nghiên cứu của Lê Thị Kim Chung (2000) về tập tính nuôi con dưới 24 tháng tuổi của các bà mẹ phường Láng Hạ- Quận Đống Đa- Hà Nội: tỷ lệ bú sớm trong nửa giờ

đầu là 40% [8]. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Diễm (2000) nhằm đánh giá hiệu quả can thiệp phòng chống SDD của trẻ <5 tuổi tại xã Tân Lập- Huyện Chợ Đồn- Tỉnh Bắc Cạn cho thấy: 66,7% bà mẹ cho trẻ bú ngay sau đẻ 30 phút [7].

Theo tài liệu giảng dạy của bộ môn Nhi - Đại học Y Hà Nội, khoảng cách cho các lần bú tốt nhất là 2-3 giờ/lần, 8-10 lần/ ngày, thời gian bú của trẻ là theo nhu cầu hoặc từ 15-30 phút tùy từng nhu cầu của mỗi trẻ. Các bà mẹ nên cho con bú ở tư thế đúng như: ngồi hay nửa nằm nửa ngồi và chỉ nằm khi bà mẹ đau hoặc không thể ngồi để trẻ có thể tránh được những tai nạn đáng tiếc như sặc sữa. Tư thế con đúng là: bế đầu và mông trẻ hoặc toàn thân trẻ [9]. Phần lớn các bà mẹ cho trẻ bú trong khoảng 2-3 giờ (42,1%) và khi trẻ khóc đòi bú (57,9%). Thời điểm cho con bú chưa đúng khá cao tới 57,9% là do các bà mẹ không biết khi nào cho trẻ bú nên khi thấy trẻ khóc thì mới cho bú và các bà mẹ biết nhưng cho con bú theo thói quen, tập quán tập tục nơi sống. Vấn đề này có lẽ cần được nghiên cứu thêm trong thời gian tới. Các sản phụ phần lớn cho trẻ bú 8-10 lần/ ngày (85,1%) trong tư thế đúng của bà mẹ là 93,9% và của con – 88,6%. Đây là tỷ lệ cần được duy trì và cải thiện hơn nữa trong thời gian tới để hiệu quả chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ ngày một tốt hơn. Tỷ lệ trẻ bú tới khi ngủ chiếm 15,8% - đây là một tỷ lệ không hề nhỏ và nó liên quan đến vấn đề sặc sữa nếu các bà mẹ không chú ý tới trẻ. Do đó cần có biện pháp hạn chế tình trạng trên và nâng cao sự hiểu biết, thực hành cho con bú đúng.

Hiện nay có rất nhiều tài liệu đề cập tới vấn đề nuôi con bằng sữa mẹ, trong đó cũng chú trọng tới kỹ năng cho con bú bởi đây là một vấn đề quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ, mà đặc biệt là trẻ sơ sinh đến 6 tháng tuổi. Đồng thời cũng đề cập tới khả năng ngậm bắt vú tốt và hiệu quả của bữa bú. Qua phân tích bảng 2 ta thấy tỷ lệ trẻ ngậm bắt vú tốt chiếm tỷ lệ 63,2% và trẻ bú có hiệu quả chiếm 53,5%. Từ kết quả trên ta thấy tỷ lệ trẻ bú không có hiệu quả chiếm tỷ lệ khá cao. Do đó cần có biện pháp phù hợp để giảm thấp tỷ lệ này trong thời gian tới.

Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng cho con bú của bà mẹ:

Qua phân tích bảng 2 ta thấy người tác động chủ yếu vào quá trình cho con bú là gia đình của các sản phụ (50%) và nhân viên y tế (21,0%). Như theo nghiên cứu của Lê Kim Chung về tập tính nuôi con

dưới 24 tháng tuổi của các bà mẹ tại phường Láng Hạ năm 2000 cho thấy 35% các bà mẹ bị ảnh hưởng bởi nhân viên y tế và 40% là do tự nhận thức được [8]. Như vậy, vai trò ảnh hưởng của nhân viên y tế đối với kiến thức và kỹ năng cho con bú rất quan trọng, cần được tập trung, tăng cường hơn nữa để đạt hiệu quả cao. Nhân viên y tế có ảnh hưởng tới gần 50% và sách báo ảnh hưởng tới 27,7% số bà mẹ đạt kỹ năng cho con bú tốt. Trong khi đó, yếu tố gia đình (trên 70%) và kinh nghiệm (trên 20%) ảnh hưởng nhiều tới bà mẹ có kỹ năng cho con bú ở mức độ thấp hơn. Đây là những yếu tố ảnh hưởng cần quan tâm trong quá trình triển khai truyền thông giáo dục sức khỏe cho bà mẹ trước và sau sinh.

Tương tự tại bảng 3, các yếu tố nghiên cứu, đặc biệt là yếu tố gia đình đã ảnh hưởng và có sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm bà mẹ có con bú hiệu quả và không hiệu quả. Biểu đồ 1 cho thấy kỹ năng cho con bú càng tốt thì tỷ lệ trẻ bú có hiệu quả càng cao và ngược lại ($p < 0,05$). Việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao kiến thức, thực hành rất quan trọng không chỉ đối với phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ mà cả những người trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y Tế – Viện Dinh Dưỡng (2000). "Tổng điều tra năm 2000". Trang 38-39,41.
2. Nguyễn Đình Quang. "Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ ở nội thành Hà Nội giai đoạn hiện tại". Luận văn thạc sỹ dinh dưỡng cộng đồng 1996. Trang 3-11, 39-44.
3. Trương Thị Hoàng Lan. "Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ ăn bổ sung của các bà mẹ có con dưới 2 tuổi tại xã Thị Sơn huyện Kim Bảng- Hà Nam. Luận văn bác sĩ đa khoa 2004. Trang 3-11, 21,27,30.
4. Hà Huy Khôi, Từ Giấy. "Các bệnh thiếu dinh dưỡng và ý nghĩa sức khỏe cộng đồng". NXBY Học Hà Nội 1994, tr. 21-29.
5. Hoàng Văn Ngọc. "Nghiên cứu kiến thức và thực hành nuôi trẻ dưới 5 tuổi của các bà mẹ tại 2 xã Nghĩa Tá và Tân Lập- huyện Chợ Đồn Bắc Cạn- 2003". Luận văn tốt nghiệp cử

Kết luận

Các bà mẹ cho con bú sớm trong nửa giờ đầu sau sinh vẫn còn thấp (29%). Có 42,1% cho con bú từ 2-3 giờ và 57,9% khi trẻ khóc thì cho bú, số lần bú/ngày chủ yếu là từ 8-10 lần/ngày 85,1%. Có 84,2% sản phụ cho bú từ 10-30 phút, trẻ bú tới khi ngủ chiếm 15,8%. Tư thế mẹ và tư thế bế trẻ đúng đạt tỷ lệ khá cao (93,9% và 88,6%). Trẻ ngậm và bắt vú tốt có 63,2% và trẻ bú hiệu quả 53,5%. Tuy nhiên trẻ ngậm bắt vú không tốt còn chiếm tỷ lệ tương đối 36,8% và bú không hiệu quả 46,5%.

Kỹ năng cho bú của bà mẹ chịu ảnh hưởng bởi gia đình (50%), nhân viên y tế (21,0%), kinh nghiệm (15,8%) và sách báo (13,2%). Nhóm có kỹ năng cho bú khá, trung bình và kém chịu ảnh hưởng chủ yếu từ gia đình (trên 70%) và theo kinh nghiệm (trên 20%). Riêng nhóm có kỹ năng cho bú ở mức độ tốt có 48,9% chịu ảnh hưởng chủ yếu từ nhân viên y tế và 27,7% từ gia đình.

Gia đình và nhân viên y tế có ảnh hưởng nhiều nhất tới hiệu quả cho bú của trẻ $p < 0,05$.

Kỹ năng cho con bú càng tốt thì tỷ lệ trẻ bú có hiệu quả càng cao và ngược lại ($p < 0,05$)

nhân y tế công cộng 2004. Trang 3-11, 21-29.

6. WHO/UNICEF. Planning Guide for national implementation of the Global Strategy for Infant and Young Child Feeding. Geneva, World Health Organization, 2007.

7. Nguyễn Thị Hồng Diễm. "Đánh giá hiệu quả can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng trẻ <5 tuổi tại xã Tân Lập huyện Chợ Đồn Bắc Cạn". Luận văn tốt nghiệp bác sỹ đa khoa 2000. Tr. 32-37.

8. Lê Thị Kim Chung. "Nghiên cứu tập tính nuôi con dưới 24 tháng tuổi của các bà mẹ tại phường Láng Hạ quận Đống Đa, nội thành Hà Nội năm 2000". Luận văn tốt nghiệp bác sỹ đa khoa 2001, tr. 3,36

9. Bộ môn Nhi Trường Đại Học Y Hà Nội. Tài liệu phát tay và video của chương trình IMCI.